TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS - ST
Ngày 07 - 8 - 2018
" V/v tranh chấp hụi,
tranh chấp hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Sinh;

2. Bà Bùi Thị Lý.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Hồng Yến là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Anh Kiều – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 tháng 7 và 07 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2017/TB-TLVA ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hụi và tranh chấp hợp đồng vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX - DS ngày 15 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị L, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã C, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Tăng Thị L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp và ông Lý Ngọc B, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:*

1. Võ Thị Trúc L, sinh năm 1972;

2. Trương Văn H, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 3, thị trấn R, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Đặng Thị B, sinh năm 1960.

2. Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 3, thị trấn R, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn Nguyễn Thị L, Luật sư Tăng Thị L và bị đơn Võ Thị Trúc L có mặt tại phiên tòa; Trợ giúp viên pháp lý Lý Ngọc B là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn Trương Văn H và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa (ông Lý Ngọc B có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10-10-2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28-12-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Thị L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Tăng Thị L trình bày:

Năm 2015 vợ chồng bà Võ Thị Trúc L và ông Trương Văn H có tham gia hụi do bà L làm chủ cụ thể như sau:

Hụi 500.000 đồng/01 tháng, mở hụi vào ngày 09 - 01 - 2015 (âm lịch) gồm có 23 hụi viên tham gia, trong đó vợ chồng bà L tham gia 02 chân và đã lĩnh (hốt) hết 02 chân vào lần mở hụi thứ 7 ngày 09-7-2015 (âm lịch) với số tiền 16.320.000đ (sau khi trừ tiền huê hồng 200.000đ/1 chân).

Hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, mở hụi vào ngày 27 - 3 - 2015 (âm lịch) gồm có 22 hụi viên tham gia, trong đó vợ chồng bà L tham gia 02 chân và đã lĩnh (hốt) hết 02

chân vào lần mở hụi thứ 2 ngày 27-4-2015 (âm lịch) với số tiền 27.200.000đ (sau khi trừ tiền huê hồng 400.000đ/1 chân).

Hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, mở hụi vào ngày 06 - 6 - 2015 (âm lịch) gồm có 27 hụi viên tham gia, trong đó vợ chồng bà L tham gia 02 chân và đã lĩnh (hốt) hết 02 chân vào lần mở hụi thứ 5 ngày 06-10-2015 (âm lịch) với số tiền là 33.160.000đ (sau khi trừ tiền huê hồng 400.000đ/1 chân).

Sau khi lĩnh (hốt) hụi thì vợ chồng bà L không chầu hụi lại cho các hụi viên khác nên bà L phải chầu thay hàng tháng cho vợ chồng bà L. Đến ngày 12-3-2016 (âm lịch) thì tổng số tiền mà vợ chồng bà L còn thiếu bà L là 51.750.000đ. Trong đó: Hụi 500.000đ mở hụi ngày 09 - 01 - 2015 (âm lịch) từ tháng 7/2015 (âm lịch) đến tháng 3/2016 (âm lịch) là 9 tháng x 500.000đ x 02 chân là 9.000.000đ; Hụi 1.000.000 đồng/01 tháng mở hụi vào ngày 27 - 3 - 2015 (âm lịch) từ tháng 5/2015 (âm lịch) đến tháng 3/2016 (âm lịch) là 10 tháng x 1.000.000đ x 02 chân là 20.000.000đ; Hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, mở hụi vào ngày 06 - 6 - 2015 (âm lịch) từ tháng 11/2015 (âm lịch) đến tháng 3/2016 (âm lịch) là 5 tháng x 1.000.000đ x 02 chân là 10.000.000đ. Tổng số tiền của 03 dây hụi là 39.000.000đ và tiền vay là 13.000.000đ. Tổng cộng là 52.000.000đ, nhưng bà L có mượn của bà L 250.000đ nên bà L còn thiếu là 51.750.000đ bà L có viết biên nhận và cam kết trả hàng tháng, phần nào chưa trả thì đồng ý chịu lãi 5%. Sau khi viết biên nhận cho đến khi mãn 03 dây hụi thì bà L cũng không chầu nên bà L chầu thay tổng cộng của 03 dây hụi là 64.000.000đ. Tổng số tiền của 02 phần trên là 115.750.000đ. Ngoài ra, còn 01 dây hụi ngày 20.000đ mở hụi ngày 10-11-2015 âl, gồm 74 hụi viên, vợ chồng bà L tham gia 30 chân và đã lĩnh (hốt) lần đầu với tổng số tiền của 30 chân là 36.630.000đ. Sau khi lĩnh (hốt) bà L chầu hụi ngày lại nhưng còn thiếu số tiền 1.960.000đ, số tiền này bà L nói là để góp riêng nên không ghi vào biên nhận ngày 12-3-2016 âl, nhưng đến nay bà L vẫn chưa trả. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L và ông H cùng liên đới trả số tiền hụi và vay tổng cộng gốc là 117.710.000đ và lãi như sau: đối với số tiền 51.750.000đ (tiền đã viết biên nhận) bà L yêu cầu tính lãi 1,125% từ ngày viết biên nhận 12-3-2016âl đến khi xét xử, đối với số tiền 64.000.000đ của 03 dây hụi sau khi viết biên nhận ngày12-3-2016 âl bà L yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Nhưng tại phiên tòa bà L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.960.000đ hụi ngày và xin thay đổi yêu cầu tính lãi là tính 0,75% cho toàn bộ số tiền, thời gian tính lãi là đối với số tiền 51.750.000đ (tiền đã viết biên nhận) bà L yêu cầu tính lãi 0,75% từ ngày viết biên nhận 12-3-2016âl đến khi xét xử, đối với số tiền 64.000.000đ của 03 dây hụi sau khi viết biên nhận ngày12-3-2016âl thì tính từ khi mãn mỗi dây hụi đến khi xét xử. Bà L cho rằng việc bà L tham gia hụi là ông H biết và bà L hốt hụi về là mua xe

và tiêu xài trong gia đình nhưng bà không có gì chứng minh. Không có việc từ ngày 12-3-2016al trở về sau bà L chầu hụi đầy đủ. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà L trả số tiền gốc 115.750.000đ và lãi theo như yêu cầu ở trên.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm của bị đơn Võ Thị Trúc L trình bày: Bà L không thống nhất với trình bày của bà L. Đầu tiên bà L có vay của bà L 2.000.000đ (không nhớ ngày tháng năm) tiền này bà L vay về tiêu xài cá nhân, bà L tính lãi 01 triệu một ngày 10.000đ, do bà L không có tiền trả nên lãi nhập vốn hoài, sau đó bà L nói tham gia hụi ngày để lĩnh (hốt) trả nợ và bà L tự tham gia hụi cho bà L rồi lĩnh (hốt) nói bà L ký tên nhưng không được nhận tiền vì bà L cấn qua nợ nhưng không đủ bà L tiếp tục tham gia hụi tháng cho bà L để lĩnh (hốt), bà L cũng chỉ ký tên nhưng không được nhận tiền mà bà L cũng cấn nợ. Thực chất 03 dây hụi tháng và 01 dây hụi ngày mà bà L trình bày thì bà L thừa nhận là có tham gia và có lĩnh (hốt) hụi, có ký tên vào những giấy hốt hụi mà bà L đã cung cấp cho Tòa án, nhưng bà L không được nhận tiền mà bà L cấn nợ. Sau khi lĩnh (hốt) hụi bà L không có tiền chầu nên bà L chầu thay và cũng tính lãi 01 triệu ngày 10.000đ cho đến ngày bà L nói bà L viết biên nhận nợ thì tổng số tiền bà L thiếu hụi và tiền lãi là 51.750.000 đồng, biên nhận là do bà L viết và bà L ký tên. Đây chỉ là tiền chầu thay hụi và lãi chứ không có việc còn tiền vay 13.000.000đ như bà L khai. Do bà L không có chứng cứ chứng minh trong này có lãi nên bà L thừa nhận đây là tiền gốc và đồng ý trả, không yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi. Từ khi viết biên nhận này về sau thì mỗi tháng bà L chầu hụi đầy đủ, có khi trả đủ có khi thiếu lại và bà L gửi cho bà B và bà H để chầu cho bà L. Do đó bà L không có thiếu phần 64.000.000đ như như L trình bày. Đối với số tiền hụi ngày 1.960.000đ thì đã tính vào số tiền 51.750.000đ để viết biên nhận ngày 12-3-2016âl rồi, nay bà L đã rút yêu cầu đối với phần này thì bà L đồng ý. Nên nay bà L đồng ý trả cho bà L số tiền hụi gốc là 51.750.000đ theo biên nhận, bà L không đồng ý trả lãi vì trong số tiền này bà L đã tính lãi quá nhiều rồi. Đồng thời bà L đồng ý trả nợ một mình vì nợ này không liên quan đến chồng bà là ông H, bà L cho rằng lĩnh (hốt) hụi về mua xe và xài trong gia đình là không có, vì hốt hụi bà L không được nhận một đồng nào và ông H không biết việc bà L chơi hụi.

- Theo các lời khai của bị đơn Trương Văn H: Ông H từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp

hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn là bà Võ Thị Trúc L về việc thanh toán số tiền hụi cho nguyên đơn Nguyễn Thị L 51.750.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-10-2017 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L nộp trực tiếp tại Tòa án về việc tranh chấp hụi với các bị đơn. Người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nên xét thấy đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và người bị kiện có địa chỉ cư trú tại huyện Tân Hồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết là đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Giao dịch dân sự (hụi) giữa nguyên đơn với bị đơn thực hiện trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực (ngày 01-01-2017) nên căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

- Về thời hiệu khởi kiện: Theo nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thời gian mở hụi của hụi tháng 500.000đ ngày 09 - 01 - 2015 (âm lịch) gồm có 23 hụi viên nên hụi mãn là vào ngày 09-11-2016 âm lịch (do năm 2016 nhuần 02 tháng 6 âm lịch), nhằm ngày 07-12-2016 dương lịch; hụi tháng 1.000.000đ ngày 27 - 3 - 2015 (âm lịch) gồm có 22 hụi viên nên hụi mãn là vào ngày 27-11-2016 âm lịch (do năm 2016 nhuần 02 tháng 6 âm lịch), nhằm ngày 25-12-2016 dương lịch; hụi tháng 1.000.000đ ngày 06 - 6 - 2015 (âm lịch) gồm có 27 hụi viên nên hụi mãn là vào ngày 6-7-2017 âm lịch, nhằm ngày 27-8-2017 dương lịch. Như vậy tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ cho

đến ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 10-10-2017 là không quá 03 năm. Nên theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Tại phiên tòa bị đơn Trương Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Trợ giúp viên pháp lý Lý Ngọc B là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cũng như của nguyên đơn là bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.960.000đ hụi ngày và thay đổi yêu cầu tính lãi từ 1,125%/ tháng xuống còn 0,75%/tháng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi mức tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu tính lãi và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu bà L và ông H trả số tiền hụi ngày còn thiếu 1.960.000đ.

Xét yêu cầu của còn lại nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà L yêu cầu bà L trả tiền vay 12.750.000đ (13.000.000đ nhưng bà L có mượn lại bà L 250.000đ) và tiền đã chầu thay hụi của 03 dây hụi tháng cụ thể như sau: Hụi 500.000 đồng/01 tháng, mở hụi vào ngày 09 - 01 - 2015 (âm lịch) gồm có 23 hụi viên tham gia, trong đó vợ chồng bà L tham gia 02 chân và đã lĩnh (hốt) hết 02 chân vào lần mở hụi thứ 7 ngày 09-7-2015 (âm lịch); Hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, mở hụi vào ngày 27 - 3 - 2015 (âm lịch) gồm có 22 hụi viên tham gia, trong đó vợ chồng bà L tham gia 02 chân và đã lĩnh (hốt) hết 02 chân vào lần mở hụi thứ 2 ngày 27-4-2015 (âm lịch); Hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, mở hụi vào ngày 06 - 6 - 2015 (âm lịch) gồm có 27 hụi viên tham gia, trong đó vợ chồng bà L tham gia 02 chân và đã lĩnh (hốt) hết 02 chân vào lần mở hụi thứ 5 ngày 06-10-2015 (âm lịch). Tổng số tiền là 115.750.000đ gốc. Bà L cho rằng bà L có ký biên nhận ngày 12-3-2016 âm lịch thừa nhận số tiền 51.750.000đ và tiền hụi chầu thay sau khi ký biên nhận ngày 12-3-2016 âm lịch đến khi mãn 03 dây hụi trên là 64.000.000đ.

Ý kiến của bị đơn là bà L không thống nhất với yêu cầu của bà L, bà L chỉ đồng ý trả cho bà L 51.750.000đ theo biên nhận ngày 12-3-2016 âm lịch, nhưng đây là tiền chầu thay hụi và lãi chứ không có tiền vay 12.750.000đ, tuy nhiên bà L không có chứng cứ chứng minh phần lãi nên thống nhất 51.750.000đ là tiền gốc. Ngoài ra, bà

không còn thiếu tiều hụi bà L vì từ khi viết biên nhận ngày 12-3-2016 âm lịch trở về sau đến khi mãn các dây hụi thì bà L chầu hụi đầy đủ, có khi thiếu 50.000đ hay 100.000đ thì sau đó bà gửi cho bà Đặng Thị B hoặc bà Huỳnh Thị Ngọc H để đưa cho bà L, nếu thật sự còn thiếu thì bà L đã bắt viết biên nhận.

Xét thấy: Lý lẻ bà L đưa ra là không có cơ sở. Bởi bà L thừa nhận là có tham gia 03 dây hụi và đã lĩnh (hốt) hụi như bà L khai, bà L cho rằng chỉ thiếu bà L tiền chầu hụi thay cho đến ngày 12-3-2016 âm lịch còn từ đó cho đến khi mãn hụi thì bà chầu đầy đủ. Nhưng nguyên đơn là bà L không thừa nhận, bà L không có gì chứng minh là sau ngày viết biên nhận 12-3-2016 âm lịch trở về sau cho đến khi mãn các dây hụi bà có chầu tiền cho bà L. Hơn nữa, chính bà L khai là từ khi L kiện đến nay không còn chầu nữa (bà L khởi kiện lần đầu vào tháng 4/2017) và những người làm chứng bà L yêu cầu Tòa án xác minh là bà Đặng Thị B và bà Huỳnh Thị Ngọc H đều khai rằng bà L có gửi tiền cho những người này để đưa cho bà L nhưng lâu lắm rồi, trước năm 2016. Điều này phù hợp với lời khai của bà L là bà L gửi cho bà B và bà H là tiền chầu hụi ngày.

Do đó, việc bà L yêu cầu bà L trả tiền vay, tiền hụi và lãi là có cơ sở nên chấp nhận theo quy định tại Điều 471, 474, 476, 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Gốc và lãi được tính như sau:

- Đối với số tiền 51.750.000đ mà bị đơn là bà L đã thừa nhận trong biên nhận ngày 12-3-2016 âm lịch nhằm ngày 18-4-2016 dương lịch đến ngày xét xử 07-8-2018 là 27 tháng 19 ngày, bà L thống nhất tính tròn 27 tháng. Tiền lãi là: 51.750.000đ x 0,75% x 27 tháng = 10.479.000đ.

- Đối với tiền chầu thay 03 dây hụi sau ngày 12-3-2016 âm lịch đến khi mãn hụi như sau:

+ Dây hụi tháng 500.000đ ngày 09 - 01 - 2015 (âm lịch) gồm có 23 hụi viên nên hụi mãn là vào ngày 09-11-2016 âm lịch (do năm 2016 nhuần 02 tháng 6 âm lịch). Sau khi viết biên nhận ngày 12-3-2016 âm lịch đến khi mãn hụi ngày 09-11-2016 âm lịch là 10 tháng (do tháng 3 chưa chầu vì theo lời khai của 02 bên đương sự thì ngày chầu tiền của dây hụi này là ngày 15 âm lịch hàng tháng) x 500.000đ x 02 chân = 10.000.000đ. Ngày 15-11-2016 âm lịch nhằm ngày 13-12-2016 dương lịch đến ngày xét xử 07-8-2018 là 19 tháng 24 ngày, bà L thống nhất tính tròn 19 tháng. Tiền lãi là: 10.000.000đ x 0,75% x 19 tháng = 1.425.000đ.

+ Dây hụi tháng 1.000.000đ ngày 27 - 3 - 2015 (âm lịch) gồm có 22 hụi viên nên hụi mãn là vào ngày 27-11-2016 âm lịch (do năm 2016 nhuần 02 tháng 6 âm lịch). Sau khi viết biên nhận ngày 12-3-2016 âm lịch đến khi mãn hụi ngày 04-12-2016 âm lịch là 10 tháng (theo lời khai của 02 bên đương sự thì ngày chầu tiền của dây hụi này là ngày 04 âm lịch hàng tháng) x 1.000.000đ x 02 chân = 20.000.000đ. Ngày 04-12-2016 âm lịch nhằm ngày 01-01-2017 dương lịch đến ngày xét xử 07-8-2018 là 19 tháng 7 ngày, bà L thống nhất lấy tròn 19 tháng. Tiền lãi là: 20.000.000đ x 0,75% x 19 tháng = 2.850.000đ.

+ Dây hụi tháng 1.000.000đ ngày 06 - 6 - 2015 (âm lịch) gồm có 27 hụi viên nên hụi mãn là vào ngày 06-7-2017 âm lịch (do năm 2016 nhuần 02 tháng 6 âm lịch). Sau khi viết biên nhận ngày 12-3-2016 âm lịch đến khi mãn hụi ngày 06-7-2017 âm lịch là 17 tháng (do tháng 3-2016 đã tính vào biên nhận 12-3-2016 âm lịch vì theo 02 bên đương sự thì ngày chầu tiền của dây hụi này là ngày 10 âm lịch hàng tháng) x 1.000.000đ x 02 chân = 34.000.000đ. Ngày 10-7-2017 âm lịch nhằm ngày 31-8-2017 dương lịch đến ngày xét xử 07-8-2018 là 11 tháng 07 ngày, bà L thống nhất lấy tròn 11 tháng. Tiền lãi là: 34.000.000đ x 0,75% x 11 tháng = 2.805.000đ.

Tổng tiền gốc là: 51.750.000đ + 10.000.000đ + 20.000.000đ + 34.000.000đ = 115.750.000đ.

Tổng tiền lãi là: 10.479.000đ + 1.500.000đ + 2.850.000đ + 2.805.000đ = 17.634.000đ.

Tổng gốc và lãi là 133.384.000đ.

Đối với việc nguyên đơn là bà L yêu cầu ông Trương Văn H là chồng bà Võ Thị Trúc L cùng liên đới trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà L khai là việc bà L tham gia hụi thì ông H biết và bà L lĩnh (hốt) hụi về là mua xe và tiêu xài trong gia đình. Nhưng bà L không thừa nhận, bà L không có chứng cứ gì chứng minh. Hơn nữa trong tất cả các giấy hốt hụi và biên nhận đều không có ông H ký tên. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc buộc ông H cùng liên đới trả nợ với bà L.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn là bà Võ Thị Trúc L về việc thanh toán số tiền hụi cho nguyên đơn Nguyễn Thị L 51.750.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần ý kiến phát biểu đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Võ Thị Trúc L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ trả nợ là 133.384.000đ x 5% = 6.669.000đ.

Ông Trương Văn H không phải chịu án phí.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do bà L thuộc diện hộ nghèo nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đặt vấn đề xử lý.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 227, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 429, 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 471, 474, 476, 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Điều 28, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27-11-2006 quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hụi ngày 1.960.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L:

Buộc bà Võ Thị Trúc L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền hụi và tiền vay còn thiếu là 133.384.000đồng (Một trăm ba mươi ba triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn đồng). Trong đó gốc là 115.750.000 đồng, lãi là 17.634.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Trúc L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 6.669.000 đồng.

Ông Trương Văn H không phải chịu án phí.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07-8-2018). Riêng đối với bị đơn Trương Văn H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bé Hương